

1727(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...S.....
	Ngày: ...25/6.....

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2014.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (3b). **xh 365**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, trình tự, trách nhiệm công bố thông tin về hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu nhằm bảo đảm tăng cường công khai, minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu và quy định chung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng của Quyết định này gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập (sau đây gọi tắt là công ty mẹ).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

- Các cơ quan được phân công thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện công bố thông tin theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng do Nhà nước làm chủ sở hữu thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Doanh nghiệp” là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy chế này.

2. “Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu” là đại diện thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Cụ thể:

- Bộ quản lý ngành là cơ quan được giao thực hiện quyền của chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ, cơ quan cấp trên trực tiếp của Hội đồng thành viên tại tập đoàn kinh tế Nhà nước.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan được giao thực hiện quyền của chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. “Ngày làm việc” được tính theo quy định của cơ quan quản lý hành chính nhà nước là từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp, trực tiếp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và đầy đủ của thông tin được công bố.

2. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

3. Việc công bố thông tin được thực hiện trên cơ sở báo cáo công bố thông tin của doanh nghiệp. Ngày nộp báo cáo công bố thông tin là ngày gửi tính theo dấu của bưu điện, ngày gửi fax, gửi thư điện tử (Email), ngày công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp hoặc là ngày ghi trên giấy biên nhận nộp báo cáo công bố thông tin.

4. Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng, thay đổi đến thông tin đã công bố của doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận và điều chỉnh thông tin thay đổi hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin phải có văn bản báo cáo và giải trình cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu.

Điều 5. Các thông tin phải công bố

- Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp;
- Báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp;
- Chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn của doanh nghiệp;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của doanh nghiệp;
- Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và kết quả thực hiện;
- Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp;

Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Hình thức công bố thông tin gồm: Văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố thông tin sau:

- Đối với doanh nghiệp, phương tiện công bố thông tin gồm: Các báo cáo bằng văn bản, trang thông tin điện tử, ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu, phương tiện công bố thông tin gồm: Hệ thống tiếp nhận các báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử của cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu, ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phương tiện công bố thông tin gồm: Hệ thống tiếp nhận các báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin doanh nghiệp (<http://www.business.gov.vn>), ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khác do cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu quy định.